

Bản tin ATC

Tháng 06 năm 2021

< Cập nhật nhanh những quy định mới nhất liên quan đến doanh nghiệp >



Trong số này:

VĂN BẢN MỚI

Quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế	01
Nghị định 47/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật doanh nghiệp	01 - 02
Bãi bỏ Thông tư 179/2012 về hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái	02
Thông tư hướng dẫn đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp	02
Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu khi cổ phần hóa DNNN	03
Bảng mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu	03 - 04
Thông tư 03/2021/TT-BTNMT hướng dẫn nội dung phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước	04 - 05
Công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần	05
Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12	05 - 06

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài	06
Sử dụng hóa đơn dịch vụ ăn uống	07
Thuế TNCN đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh	07 - 08
Thuế TNCN của chuyên gia nước ngoài không cư trú	08
Sử dụng hóa đơn điện tử	08
Kê khai thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản	09
Kê khai thuế GTGT theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP	09
Thuế GTGT với dịch vụ cung cấp cho tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	10
Thuế TTĐB đối với sản phẩm sản xuất tại Chi nhánh	10
Thuế TNDN đối với DN thụ hưởng thuộc dự án ODA không hoàn lại	10
Kê khai thuế đối với dự án đầu tư	11
Hoàn thuế đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ của tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập tái xuất	11
Thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh từ nước ngoài	11 - 12
Giới thiệu các nội dung mới của Thông tư số 19/2021/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế	12 - 13

VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 06/2021

14

VĂN BẢN MỚI

Quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế



văn bản của cơ quan thuế.

Ngày 17/05/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 31/2021/TT-BTC quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế.

Theo đó, người nộp thuế (NNT) thuộc trường hợp giám sát trọng điểm về thuế là NNT có một trong các dấu hiệu sau:

- NNT được lựa chọn từ danh sách NNT thuộc mức không tuân thủ pháp luật thuế, danh sách NNT thuộc mức rủi ro rất cao, rủi ro cao và NNT không giải trình, bổ sung thông tin hoặc có giải trình, bổ sung thông tin nhưng không đầy đủ theo yêu cầu và thời hạn tại thông báo bằng
- NNT thực hiện các giao dịch qua ngân hàng có dấu hiệu đáng ngờ theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền có liên quan đến trốn thuế, gian lận thuế.
- NNT hoặc người đại diện hợp pháp của NNT bị khởi tố về các hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ.
- NNT có dấu hiệu rủi ro cao về thuế thuộc chuyên đề trọng điểm hoặc qua thu thập thông tin từ công tác quản lý của cơ quan thuế cần giám sát quản lý thuế.

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 02/07/2021 và thay thế Thông tư số 204/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015

Nghị định 47/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật doanh nghiệp

Ngày 01/04/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 47/2021/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020.

Cụ thể, Nghị định quy định chi tiết về doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp Nhà nước, nhóm công ty, doanh nghiệp quốc phòng - an ninh và công bố thông tin doanh nghiệp Nhà nước.

Theo Nghị định, việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc để thành lập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 195 Luật Doanh nghiệp bao gồm trường hợp sau:

- Cùng góp vốn để thành lập doanh nghiệp mới.
- Cùng mua phần vốn góp, mua cổ phần của doanh nghiệp đã thành lập.
- Cùng nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của các thành viên, cổ đông của doanh nghiệp đã thành lập.



Doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn Nhà nước theo khoản 3 Điều 195 Luật Doanh nghiệp là doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ từ 65% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

Chủ tịch công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị của công ty chịu trách nhiệm bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp khi đề xuất, quyết định góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của công ty khác và cùng liên đới chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại xảy ra cho công ty khi vi phạm quy định tại khoản này.

Cơ quan đăng ký kinh doanh từ chối đăng ký thay đổi thành viên, cổ đông công ty nếu trong quá trình thụ lý hồ sơ phát hiện việc góp vốn, mua cổ phần thành lập doanh nghiệp hoặc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp liên quan vi phạm quy định của pháp luật.

Nội dung chi tiết xem tại Nghị định.

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/04/2021; thay thế và bãi bỏ Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg, Nghị định số 81/2015/NĐ-CP, Nghị định số 93/2015/NĐ-CP và Nghị định số 96/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Bãi bỏ Thông tư 179/2012 về hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái

Ngày 27/05/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 37/2021/TT-BTC bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 11/07/2021

Thông tư hướng dẫn đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp



Ngày 26/05/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 36/2021/TT-BTC về việc hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

Theo đó, các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không có nhu cầu bổ sung vốn điều lệ hoặc không lập phương án

xác định vốn điều lệ và nguồn đầu tư bổ sung vốn điều lệ sẽ phải nộp phần chênh lệch giữa nguồn vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ vào ngân sách Nhà nước. Cơ quan đại diện chủ sở hữu sẽ rà soát, quyết định và chỉ đạo doanh nghiệp thực hiện; trong 10 ngày kể từ khi cơ quan này có quyết định, doanh nghiệp phải tiến hành nộp phần chênh lệch trên, đồng thời thực hiện giảm vốn đầu tư.

Đối với vốn điều lệ của Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên được Nhà nước bổ sung vốn đầu tư: Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chỉ đạo doanh nghiệp đăng ký tăng vốn; đồng thời có văn bản thông báo về tổng giá trị thực tế vốn Nhà nước đã đầu tư (và số lượng cổ phiếu do cổ đông Nhà nước nắm giữ). Công việc này phải được thực hiện trong vòng 01 tháng, sau khi doanh nghiệp tăng vốn điều lệ.

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 10/07/2021 và thay thế Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 và Thông tư số 59/2018/TT-BTC ngày 16/07/2018

Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu khi cổ phần hóa DNNN

Ngày 17/05/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 32/2021/TT-BTC hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần (CTCP).

Nội dung đáng chú ý tại Thông tư là 04 trường hợp bán đấu giá cổ phần không thành công của DN chuyển thành CTCP sau đây:

1. Không có nhà đầu tư đăng ký tham gia;
2. Chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia;
3. Tất cả các nhà đầu tư không nộp phiếu tham dự đấu giá;
4. Tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.



Bên cạnh đó, Ban chỉ đạo cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp cổ phần hóa triển khai phương án bán cổ phần lần đầu theo các phương thức sau:

- Phương thức bán đấu giá;
- Phương thức thỏa thuận trực tiếp;
- Phương thức bảo lãnh phát hành;
- Phương thức dựng sổ.

Doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn thành việc bán cổ phần theo các phương thức đã phê duyệt trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày phương án cổ phần hóa được phê duyệt.

Ngoài ra, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần theo phương thức đấu giá có trách nhiệm nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị cổ phần đặt mua tính theo giá khởi điểm vào tài khoản của Tổ chức thực hiện bán đấu giá tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày đấu giá theo quy định. Đối với phương thức bảo lãnh, tổ chức bảo lãnh phát hành nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị cổ phần bảo lãnh đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo lãnh tại thời điểm ký hợp đồng bảo lãnh phát hành.

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/07/2021 và thay thế các Thông tư của Bộ Tài chính: số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018; số 34/2019/TT-BTC ngày 11/06/2019.

Bảng mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu



Ngày 18/05/2021, Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ về việc ban hành Bảng mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu và hướng dẫn sử dụng.

Theo đó, Bảng mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu có một số thay đổi, đơn cử như:

- Loại hình xuất khẩu gồm 16 mã loại hình, loại hình nhập khẩu gồm 24 mã loại hình. Hiện hành tại Công văn 2765/TCHQ-GSQL ngày 01/04/2015, loại hình nhập khẩu gồm 22 mã loại hình.
- Đối với bảng mã loại hình xuất khẩu:

- + Bổ sung thêm mã C12 (Hàng hóa từ kho ngoại quan xuất đi nước ngoài);
- + Bãi bỏ mã E56 (Xuất sản phẩm gia công giao hàng tại nội địa);
- + Sửa đổi nội dung hướng dẫn sử dụng của các mã B11, B12, B13, E52, E62, E82, G23, G61, C22 và H21.
- Đối với bảng mã loại hình nhập khẩu:
 - + Bổ sung thêm mã A43 (Nhập khẩu hàng hóa thuộc Chương trình ưu đãi thuế) và mã A44 (Tạm nhập hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế);
 - + Sửa đổi nội dung hướng dẫn sử dụng của các mã A11, A12, A31, A41, A42, E13, E15, E21, E41, G12, G13, G14, G51, C11, C21 và H11.

Nội dung chi tiết xem tại Quyết định.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/06/2021 và thay thế Công văn số 2765/TCHQ-GSQL ngày 01/04/2015 của Tổng cục Hải quan

Thông tư 03/2021/TT-BTNMT hướng dẫn nội dung phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước

Ngày 12/05/2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTNMT hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Cụ thể, chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được hướng dẫn bao gồm các nội dung:

(1) Tình hình hiện trạng quản lý, sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa



Doanh nghiệp lập báo cáo hiện trạng tính đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp gửi cơ quan chủ quản phê duyệt bao gồm:

- Tổng diện tích, số lượng thửa đất đang quản lý, sử dụng tại từng xã, phường, thị trấn và tài sản gắn liền với từng thửa đất;
- Hình thức, diện tích sử dụng đất theo từng hình thức; thời hạn sử dụng đất...

(2) Đề xuất phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa;

(3) So sánh, đối chiếu phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng (nếu có), phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

(4) Đối với diện tích đất có thay đổi so với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương (nếu có) hoặc khác với mục đích sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: Thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020.

Ngoài ra, nội dung Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hoá và Biểu tổng hợp nội dung phương án sử dụng đất thực hiện theo Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư.

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 28/06/2021

Công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Ngày 07/04/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 26/2021/TT-BTC hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNC) thành công ty cổ phần (CTCP).

Theo đó, khi ĐVSNC chuyển đổi phải lập báo cáo tình hình tài chính dựa trên khuôn mẫu doanh nghiệp tại 2 thời điểm:

- Thời điểm xác định giá trị ĐVSNC sau khi đã hạch toán đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến xử lý tài chính để xác định giá trị đơn vị theo quy định.
- Tại thời điểm chính thức chuyển thành CTCP sau khi đã hạch toán kết quả xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển đổi thành CTCP theo quy định làm căn cứ bàn giao sang CTCP.



Các bước thực hiện lập báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Thực hiện các bước khóa sổ kế toán theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.
- Lập báo cáo tình hình tài chính theo mẫu B01/BCTC quy định tại chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.
- Phân tích số liệu chi tiết căn cứ sổ sách kế toán, văn bản xác định lại giá trị tài sản để chuyển đổi, hồ sơ về kết quả xác định giá trị ĐVSNC và các tài liệu có liên quan khác.
- Lập bảng chuyển đổi số liệu theo quy định tại Thông tư này.
- Căn cứ số liệu Bảng chuyển đổi số liệu và hướng dẫn lập các chi tiêu chi tiết trên Báo cáo tình hình tài chính theo khuôn mẫu doanh nghiệp thực hiện tổng hợp chỉ tiêu theo hướng dẫn tại Phụ lục 02.

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/06/2021

Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12

Ngày 27/04/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 28/2021/TT-BTC ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12.

Tại Điều 2 Thông tư quy định về việc xác định giá trị thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, khi áp dụng phương pháp tài sản theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, giá

trị thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập được xác định theo phương pháp xác định giá trị tài sản vô hình không xác định được nêu tại tiết a điểm 5.5 mục 5 Phần II của Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12 kèm theo Thông tư. Chỉ tiêu về thu nhập của đơn vị sự nghiệp công lập được xác định theo pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư và Tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/07/2021, và thay thế Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12 ban hành theo Thông tư số 122/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính.

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài

1. Trường hợp công ty nước ngoài cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms mà người bán chịu rủi ro liên quan đến hàng hóa vào đến lãnh thổ Việt Nam thì thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC nêu trên. Trường hợp nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu.



- Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp.

- Doanh thu tính thuế GTGT là phần giá trị dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư 103/2014/TT-BTC

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ Việt Nam để giao bớt một phần giá trị công việc hoặc hạng mục cho nhà thầu phụ được quy định tại Hợp đồng nhà thầu ký với Bên Việt Nam và danh sách các Nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện phần công việc hoặc hạng mục tương ứng được liệt kê kèm theo Hợp đồng nhà thầu thì doanh thu tính thuế TNDN, doanh thu tính thuế GTGT của Nhà thầu nước ngoài không bao gồm giá trị công việc do Nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với các nhà cung cấp tại Việt Nam để mua vật tư nguyên vật liệu, máy móc thiết bị để thực hiện hợp đồng nhà thầu và hàng hóa, dịch vụ để phục vụ cho tiêu dùng nội bộ, tiêu dùng các khoản không thuộc hạng mục, công việc mà Nhà thầu nước ngoài thực hiện theo hợp đồng nhà thầu thì giá trị hàng hóa, dịch vụ này không được trừ khi xác định doanh thu tính thuế TNDN, doanh thu tính thuế GTGT của Nhà thầu nước ngoài.

2. Trường hợp Nhà thầu nước ngoài thu được khoản tiền bồi thường từ bên Việt Nam vi phạm hợp đồng thì thu nhập của nhà cung cấp nước ngoài thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC. Nhà thầu nước ngoài được lựa chọn khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế hoặc trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí với thuế suất là thuế suất phổ thông.

Công văn số 17152/CTHN-TTHT ngày 20/05/2021 của Cục thuế TP Hà Nội.

Sử dụng hóa đơn dịch vụ ăn uống



Trong thời gian từ ngày Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được ban hành đến ngày 30/6/2022, các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vẫn còn hiệu lực thi hành. Theo đó:

Khi lập hóa đơn điện tử phải đảm bảo nguyên tắc thông tin chứa trong hóa đơn điện tử có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết và nội dung trên hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định

tại Điều 6 Thông tư số 32/2011/TT-BTC. Cụ thể: Trên hóa đơn phải thể hiện đầy đủ tên hàng hóa, dịch vụ, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ, thành tiền ghi bằng số và bằng chữ; hóa đơn được thể hiện bằng tiếng Việt, trường hợp cần ghi thêm chữ nước ngoài thì chữ nước ngoài được đặt bên phải trong ngoặc đơn () hoặc đặt ngay dưới dòng tiếng Việt và có cỡ nhỏ hơn chữ tiếng Việt theo quy định.

Doanh nghiệp được kê khai, khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính và được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản chi phí đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Công văn số 16813/CTHN-TTHT ngày 18/05/2021 của Cục thuế TP Hà Nội.

Thuế TNCN đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh

Trường hợp cá nhân đã được cấp mã số thuế cá nhân thì cá nhân sử dụng mã số thuế này để kê khai, nộp thuế khi phát sinh các nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước, trong đó có kê khai, nộp thuế TNCN từ tiền lương, tiền công và từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với thu nhập cá nhân nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp hợp tác kinh doanh với cá nhân thì cá nhân không trực tiếp khai thuế. Doanh nghiệp có trách nhiệm khai thuế giá trị gia tăng đối với toàn bộ doanh thu của hoạt động hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế của tổ chức mà không phân biệt hình thức phân chia kết quả hợp tác kinh doanh, đồng thời khai thay và nộp thay thuế thu nhập cá nhân cho cá nhân hợp tác kinh doanh theo quy định tại tiết c khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.
- Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu áp dụng đối với từng lĩnh vực ngành nghề được xác định theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.
- Cá nhân không phải thực hiện quyết toán thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh.



Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công: cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập (nếu đủ điều kiện ủy quyền) hoặc trực tiếp khai quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định tại tiết d khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Công văn số 16815/CTHN-TTHT ngày 18/05/2021 của Cục thuế TP Hà Nội.

Thuế TNCN của chuyên gia nước ngoài không cư trú

Trường hợp Công ty có chuyên gia nước ngoài đang hiện diện tại Việt Nam được xác định là cá nhân không cư trú vừa có thu nhập tại Việt Nam, vừa có thu nhập tại nước ngoài nhưng không tách riêng được phần thu nhập phát sinh tại Việt Nam thì tổng thu nhập chịu thuế TNCN phát sinh tại Việt Nam của chuyên gia nước ngoài được xác định theo hướng dẫn tại Tiết b Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính như sau:

$$\text{Tổng thu nhập phát sinh tại Việt Nam} = \frac{\text{Số ngày có mặt ở Việt Nam}}{365 \text{ ngày}} \times \text{Thu nhập từ tiền lương, tiền công toàn cầu (trước thuế)} + \text{Thu nhập chịu thuế khác (trước thuế) phát sinh tại Việt Nam}$$

Trường hợp Công ty tại Việt Nam phát sinh chi trả khoản chi phí vé máy bay và khách sạn cho chuyên gia nước ngoài (là cá nhân không cư trú) sang Việt Nam làm việc thì khoản chi phí vé máy bay, khách sạn cho chuyên gia nước ngoài chịu thuế TNCN theo quy định. Công ty có trách nhiệm khấu trừ 20% trước khi chi trả cho chuyên gia nước ngoài theo quy định.

Công văn số 16460/CTHN-TTHT ngày 17/05/2021 của Cục thuế TP Hà Nội.

Sử dụng hóa đơn điện tử



Công ty đã sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế từ tháng 12/2017 (đến nay hết thời hạn 12 tháng). Trường hợp Công ty đáp ứng các điều kiện của tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 4, Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính thì được sử dụng hóa đơn điện tử. Trước khi sử dụng, Công ty thực hiện Thông báo phát hành hóa đơn điện tử theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Công ty phải dừng sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế kể từ ngày bắt

đầu sử dụng hóa đơn điện tử và thực hiện hủy hóa đơn mua của cơ quan thuế không tiếp tục sử dụng theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Công ty có trách nhiệm nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo tháng từ ngày đầu tháng đến hết ngày dừng sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế và chuyển sang nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quý cho cơ quan thuế kể từ ngày kế tiếp theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 39/2014/TT-BTC.

Công văn số 16221/CTHN-TTHT ngày 14/05/2021 của Cục thuế TP Hà Nội.

Kê khai thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Trường hợp Công ty kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và xác định được doanh thu, chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh, có phát sinh hoạt động chuyển nhượng bất động sản thì thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản được tạm nộp theo quý và khai quyết toán thuế năm cùng với việc tạm nộp và khai thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:



- Công ty tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý (bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản) và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.
- Khi kết thúc năm tính thuế, Công ty làm thủ tục quyết toán chính thức số thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã bàn giao. Trường hợp số thuế đã tạm nộp thấp hơn số thuế phải nộp theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty phải nộp đủ số thuế còn thiếu.

Công ty không phải nộp tờ khai thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Công văn số 15879/CTHN-TTHT ngày 12/05/2021 của Cục thuế TP Hà Nội

Kê khai thuế GTGT theo Nghị định 126/2020/NĐ-CP



Kê khai thuế GTGT đối với nhà máy sản xuất khác tỉnh nơi có trụ sở chính: Trường hợp Công ty có nhà máy sản xuất khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính thì thực hiện khai thuế GTGT tại nơi có nhà máy sản xuất theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Về mẫu biểu kê khai, trong thời gian chờ Thông tư hướng dẫn Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Công ty thực hiện kê khai theo mẫu 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư 156/2013/TT-BTC.

Kê khai thuế GTGT đối với dự án đầu tư khác tỉnh: Trường hợp Công ty có phát sinh thuế GTGT của dự án đầu tư thì thực hiện khai thuế GTGT riêng tại nơi có dự án đầu tư theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Về mẫu biểu kê khai, trong thời gian chờ Thông tư hướng dẫn Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Công ty thực hiện kê khai theo mẫu 02/GTGT ban hành kèm theo Thông tư 156/2013/TT-BTC.

Công văn số 15166/CTHN-TTHT ngày 11/05/2021 của Cục thuế TP Hà Nội

Thuế GTGT với dịch vụ cung cấp cho tổ chức nước ngoài tại Việt Nam



Trường hợp Công ty cung cấp dịch vụ pháp lý (tư vấn pháp lý, tranh tụng, đại diện ngoài tổ tụng...) cho tổ chức nước ngoài và tiêu dùng ở Việt Nam, thì dịch vụ này áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Công ty phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

Công văn số 15172/CTHN-TTHT ngày 11/05/2021 của Cục thuế TP Hà Nội

Thuế TTĐB đối với sản phẩm sản xuất tại Chi nhánh

Trường hợp Công ty có trụ sở chính tại tỉnh A (có chi nhánh tại tỉnh B là cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc, không trực tiếp bán hàng) phát sinh hoạt động bán hàng chịu thuế TTĐB đối với các sản phẩm sản xuất ra tại tỉnh B thì Công ty kê khai và nộp thuế TTĐB tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất là Cục Thuế tỉnh B. Trường hợp các sản phẩm sản xuất ra tại tỉnh B thuộc diện chịu thuế TTĐB mà Công ty đã kê khai tại Cục Thuế tỉnh A thì phải khai điều chỉnh, bổ sung tương ứng giữa Cục Thuế tỉnh A và Cục Thuế tỉnh B.



Công văn số 1462/TCT-DNL ngày 11/05/2021 của Tổng cục Thuế.

Thuế TNDN đối với DN thụ hưởng thuộc dự án ODA không hoàn lại

Về thuế TNDN khi doanh nghiệp tham gia Dự án nhận được khoản kinh phí tài trợ:

- Trường hợp khoản tài trợ mà doanh nghiệp tham gia Dự án nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam thì khoản tài trợ này thuộc trường hợp được miễn thuế TNDN theo quy định tại Khoản 7 Điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng tiền tài trợ không đúng mục đích các khoản tài trợ trên thì doanh nghiệp phải tính nộp thuế TNDN tính trên phần sử dụng sai mục đích trong kỳ tính thuế phát sinh việc sử dụng sai mục đích.
- Trường hợp khoản tài trợ mà doanh nghiệp nhận được không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC thì được xác định là thu nhập khác theo quy định tại Khoản 15 Điều 7 Thông tư 78/2014/TT-BTC. Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác.



Công văn số 15160/CTHN-TTHT ngày 11/05/2021 của Cục thuế TP Hà Nội

Kê khai thuế đối với dự án đầu tư

Trường hợp Công ty có thực hiện dự án đầu tư xây dựng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính, Công ty thành lập Ban quản lý dự án (có con dấu theo quy định của pháp luật, lưu giữ sổ sách chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, có tài khoản gửi tại ngân hàng, đã đăng ký thuế và được cấp mã số thuế) để thực hiện quản lý các dự án đầu tư thì Ban quản lý lập hồ sơ khai thuế GTGT riêng cho dự án đầu tư theo mẫu số 02/GTGT và kê khai tại nơi có dự án đầu tư.



Công văn số 14876/CTHN-TTHT ngày 10/05/2021 của Cục thuế TP Hà Nội

Hoàn thuế đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ của tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập tái xuất



Trường hợp máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ tạm nhập tái xuất thuộc đối tượng hoàn thuế theo điểm đ khoản 1 Điều 19 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, Điều 35 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, nhưng Công ty không quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán đối với hàng hóa tạm nhập, không có cơ sở xác định tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa trong thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về kế toán thì cơ quan hải quan không có cơ sở để xử lý hoàn thuế cho doanh nghiệp.

Trường hợp máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ tạm nhập tái xuất là hàng hóa đi thuê, đi mượn, trị giá hải quan được xác định theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 60/2019/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung Điều 17 Thông tư số 39/2015/TT-BTC), trị giá hải quan không tính trên toàn bộ trị giá hàng hóa, do đó, không có quy định hoàn tiền thuế nhập khẩu Công ty đã nộp.

Công văn số 2185/TCHQ-TXNK ngày 11/05/2021 của Tổng cục Hải quan

Thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh từ nước ngoài

Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam có phát sinh khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài (nước chưa ký kết Hiệp định tránh đánh thuế với Việt Nam) đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế thu nhập doanh nghiệp) ở nước ngoài, khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài hoặc đã được đối tác nước tiếp nhận đầu tư trả thay (kể cả thuế đối với tiền lãi cổ phần), nhưng số thuế được trừ không vượt quá số thuế thu nhập tính theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam.



Số thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài được miễn, giảm đối với phần lợi nhuận được hưởng từ dự án đầu tư ở nước ngoài theo luật pháp của nước doanh nghiệp đầu tư cũng được trừ khi xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Việt Nam.

Công văn số 14207/CTHN-TTHT ngày 04/05/2021 của Cục thuế TP Hà Nội

Giới thiệu các nội dung mới của Thông tư số 19/2021/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

Ngày 20/04/2021, Tổng cục Thuế ban hành Công văn số 1194/TCT-KK giới thiệu một số nội dung mới của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế. Công văn giới thiệu các nội dung về:



1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
2. Nguyên tắc giao dịch thuế điện tử (Điều 4 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
3. Gửi thông báo, quyết định, văn bản điện tử của cơ quan thuế (Điều 5 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
4. Chứng từ điện tử (Điều 6 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
5. Ký điện tử trong giao dịch điện tử (Điều 7 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
6. Cách xác định thời gian nộp hồ sơ thuế điện tử, nộp thuế điện tử của người nộp thuế và thời gian cơ quan thuế gửi thông báo, quyết định, văn bản cho người nộp thuế (Điều 8 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
7. Sửa đổi, bổ sung hậu quả pháp lý đối với người nộp thuế nộp hồ sơ thuế điện tử, nộp tiền thuế trong thời gian Cổng thông tin của Tổng cục Thuế, Cổng thông tin của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Cổng của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN bị lỗi (Điều 9 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
8. Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử (Điều 10 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
9. Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử (Điều 11 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
10. Ngừng giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử (Điều 12 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
11. Giao dịch điện tử trong đăng ký thuế (Điều 13, Điều 14 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
12. Giao dịch điện tử trong khai thuế (Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
13. Giao dịch điện tử trong nộp thuế điện tử (Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
14. Giao dịch điện tử trong hoàn thuế điện tử (Điều 27 và Điều 28 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
15. Giao dịch điện tử trong miễn giảm thuế điện tử (Điều 29 và Điều 30 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)

16. Giao dịch điện tử trong quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế (Điều 31 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
17. Xử phạt vi phạm hành chính bằng phương thức điện tử (Điều 32 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
18. Giao dịch điện tử trong cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế bằng phương thức điện tử (Điều 33 và Điều 34 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
19. Kết nối trao đổi thông tin, dữ liệu giữa cơ quan thuế với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuế cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử (Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Thông tư số 19/2021/TT-BTC)
20. Dịch vụ người trung gian trong lĩnh vực thuế (tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN)

Chi tiết từng nội dung xem tại Phụ lục kèm theo Công văn.

Công văn số 1194/TCT-KK ngày 20/04/2021 của Tổng cục Thuế

VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 06/2021

❖ **Doanh nghiệp**

1. Thông tư 26/2021/TT-BTC về hướng dẫn công tác kế toán khi thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần do Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 01/06/2021

2. Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

Ngày hiệu lực: 01/06/2021

3. Thông tư 03/2021/TT-BTNMT hướng dẫn nội dung chi tiết phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; lập và phê duyệt phương án sử dụng đất đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành

Ngày hiệu lực: 28/06/2021

❖ **Xuất nhập khẩu**

4. Quyết định 1357/QĐ-TCHQ năm 2021 về Bảng mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu và hướng dẫn sử dụng do Tổng cục Hải quan ban hành

Ngày hiệu lực: 01/06/2021

5. Thông tư 27/2021/TT-BTC sửa đổi Thông tư 19/2014/TT-BTC quy định thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 02/06/2021

❖ **Bảo hiểm**

6. Nghị định 43/2021/NĐ-CP quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm

Ngày hiệu lực: 01/06/2021

❖ **Bộ máy hành chính**

7. Quyết định 984/QĐ-BTC năm 2021 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

Ngày hiệu lực: 02/06/2021

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời liên hệ:

Phụ trách Bản tin:

Ông Vũ Thế Hùng

Tổng Giám đốc
Phụ trách chung

Tel: + 0243 2000 162
Mobile: 0912 425 212
Email: hungvt@atcf.vn

Ông Tạ Quốc Huy

Giám đốc kiểm toán
Phụ trách biên tập

Tel: + 0243 2000 162
Mobile: 0989 204 959
Email: quochuy@atcf.vn

Trụ sở chính:

Tòa nhà ATC, Lô D12, Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam
Tel: + 0243 2000 162
Fax: + 0243 2000 163
Website: atcf.vn

Chi nhánh Hà Thành

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Văn phòng đại diện tại: Điện Biên, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Dương

(Thông tin liên hệ trực tiếp với các văn phòng tại website: atcf.vn)

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin khái quát, đây là một trong những hoạt động hỗ trợ khách hàng thường xuyên của ATC. Tuy nhiên, trước khi đưa ra một quyết định hoặc thực hiện một hành động có thể ảnh hưởng đến vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh, người sử dụng tài liệu cần tham vấn chuyên gia của chúng tôi hoặc các chuyên gia (công ty) tư vấn có chuyên môn. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại do kết quả của việc người đọc dựa vào tài liệu này.

© 2021 ATC Auditing and Valuation Firm Company Limited